

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ASIMO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ASIMO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASIMO MECHANICAL JOINT STOCK
CAMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109968631

3. Ngày thành lập: 18/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 6B, Ngõ 2, Khu 2, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam

Điện thoại: 0907590379

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
23.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4719
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
31.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
32.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
34.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
35.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
36.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
37.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
38.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2420
39.	Đúc sắt, thép	2431
40.	Đúc kim loại màu	2432
41.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
42.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
44.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
46.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
47.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

48.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
49.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
50.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
51.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
52.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
53.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
55.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
56.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
57.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
59.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
60.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
61.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
62.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
63.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
64.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
65.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
66.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
67.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Xây dựng nhà để ở	4101
70.	Xây dựng nhà không để ở	4102
71.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
72.	Xây dựng công trình điện	4221
73.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
74.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
76.	Phá dỡ	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
78.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
79.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 8.668.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 866.800

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NAM TRUNG	Khu 2, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	390.060	3.900.600.000	45,000	0360830003 16	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	390.060	3.900.600.000	45,000		
2	TRẦN MINH TÂM	Thôn Trình Xuyên Thượng, Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	390.060	3.900.600.000	45,000	0360790015 63	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	390.060	3.900.600.000	45,000		

3	VŨ MINH CÔNG	Xóm 5, Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	86.680	866.800.000	10,000	163156332
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	86.680	866.800.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/03/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036079001563

Ngày cấp: 25/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Trình Xuyên Thượng, Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trình Xuyên Thượng, Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội